



Hướng đến sự phát triển bền vững

NỘI DUNG	TRANG
CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ	1
NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2017/NĐ-CP NGÀY 24/02/2017 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT	4
QUY ĐỊNH MỚI VỀ VIỆC KHÔNG TÍNH TIỀN CHẬM NỘP THUẾ.	5
MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU, THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VỚI HÀNG TẠM NHẬP BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ	5
CHÍNH SÁCH THUẾ NHÀ THẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THUẾ TÀI CHÍNH	6
THÔNG TƯ SỐ 13/2017/TT-BTC NGÀY 15/02/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH RÚT TIỀN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VƯỢT MỨC PHẢI ĐĂNG KÍ TRƯỚC.	6
THÔNG TƯ 38/2016/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ HẠCH TOÁN THU, TRẢ LÃI TRONG HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI VÀ CHO VAY GIỮA NHNN VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC.	7
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN NĂM 2017 TẠI CÔNG VĂN 1594/BTC-CĐKT NGÀY 08/02/2017	7



MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Công văn số 587/TCT-CS về hoàn thuế GTGT ngày 24/02/2017

Tại điểm 2 khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 16/04/2016 sửa đổi, bổ sung Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 quy định về việc hoàn thuế:

Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan. Thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không vi phạm pháp luật về thuế, hải quan trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật quản lý thuế.

Tại điểm 3 khoản 6 Điều 1 Nghị định 100/NĐ-CP ngày 1/07/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về việc hoàn thuế:

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan và các văn bản liên quan.

Công văn 360/TCT-KK về việc kê khai thuế GTGT theo quý ngày 02/02/2017.

Căn cứ Điều 15 Thông tư 151/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 2 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC về khai thuế GTGT theo quý:

Đối tượng khai thuế GTGT theo quý: áp dụng đối với người nộp thuế GTGT có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống.



Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo tháng hay khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế đủ điều kiện và thuộc đối tượng khai thuế GTGT theo quý muốn chuyển sang khai thuế theo tháng thì gửi thông báo (theo Mẫu số 07/GTGT) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là cùng với thời hạn nộp tờ khai thuế GTGT của tháng đầu tiên của năm bắt đầu khai thuế GTGT theo tháng.

Thời kỳ khai thuế theo quý:

Việc thực hiện khai thuế theo quý hay theo tháng được ổn định trọn năm dương lịch và ổn định theo chu kỳ 3 năm. Riêng chu kỳ ổn định đầu tiên được xác định tính kể từ ngày 01/10/2014 đến hết ngày 31/12/2016.

Trong chu kỳ khai thuế ổn định theo tháng, người nộp thuế tự phát hiện hoặc qua thanh tra, kiểm tra, cơ quan thuế kết luận doanh thu của năm trước liền kề của chu kỳ khai thuế ổn định này từ 50 tỷ đồng trở xuống, người nộp thuế đủ điều kiện để khai thuế GTGT theo quý của chu kỳ ổn định đó thì người nộp thuế được lựa chọn hình thức khai thuế theo tháng hoặc quý từ năm tiếp theo liền kề của năm phát hiện chờ đến hết chu kỳ ổn định.

Công văn 640/ TCT-NCN về việc xác định tỷ lệ thuế GTGT, TNCN theo ngành nghề đối với hộ kinh doanh sửa chữa oto.

Căn cứ: Điểm b3, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“Điều 2, Phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

b.3) Trường hợp cá nhân kinh doanh nhiều lĩnh vực, ngành nghề thì cá nhân thực hiện khai và tính thuế theo tỷ lệ thuế tính trên doanh thu áp dụng đối với từng lĩnh vực, ngành nghề. Trường hợp cá nhân kinh doanh không xác định được doanh thu tính thuế của từng lĩnh vực, ngành nghề hoặc xác định không phù hợp với thực tế kinh doanh thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu tính thuế khoán của từng lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”

- Tại Điểm b1, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“b.1) Tỷ lệ thuế tính trên doanh thu gồm tỷ lệ thuế giá trị gia tăng và tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với từng lĩnh vực ngành nghề như sau:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 1 %; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 0,5%.

- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 5%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 2%.

MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 3%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.
- Hoạt động kinh doanh khác: tỷ lệ thuế giá trị gia tăng là 2%; tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân là 1%.”



Tại khoản 1, 2, 3 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Danh mục ngành, nghề tính thuế GTGT, thuế TNCN theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với cá nhân kinh doanh:

“1. Phân phối, cung cấp hàng hóa đối với hoạt động bán buôn, bán lẻ các loại hàng hóa (trừ giá trị hàng hóa đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng).

2. Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu

- Dịch vụ khác;.

3. Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu:

- Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; “

Căn cứ hướng dẫn trên đây thì:

- Trường hợp hộ kinh doanh chỉ cung cấp phụ tùng thì áp dụng tỷ lệ tính thuế trên doanh thu theo hóa đơn đối với hoạt động phân phối hàng hóa với tỷ lệ thuế GTGT và thuế TNCN là 1% và 0,5%.

- Trường hợp hộ kinh doanh chỉ cung cấp dịch vụ sửa chữa thì áp dụng tỷ lệ tính thuế trên doanh thu theo hóa đơn đối với dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu với tỷ lệ thuế GTGT và thuế TNCN là 5% và 2%.

- Trường hợp hộ kinh doanh cung cấp dịch vụ sửa chữa kèm theo cung cấp phụ tùng thay thế thì áp dụng tỷ lệ tính thuế trên doanh thu theo hóa đơn đối với sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn

với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu với tỷ lệ thuế GTGT và thuế TNCN là 3% và 1,5%..

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Công văn 2037/BTC-TCT ngày 16/02/2017 về việc hướng dẫn quy đổi thu nhập không bao gồm thuế thu nhập cá nhân (thuế TNCN) của người lao động nước ngoài .

Theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về việc quy đổi thu nhập không bao gồm thuế thành thu nhập tính thuế như sau:

“Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công cho người lao động theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này không bao gồm thuế thì phải quy đổi thu nhập không bao gồm thuế thành thu nhập tính thuế theo Phụ lục số 02/PL-TNCN ban hành kèm theo Thông tư này để xác định thu nhập chịu thuế. Cụ thể như sau:

a) Thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế là thu nhập thực nhận cộng (+) các khoản lợi ích do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động (nếu có) trừ (-) các khoản giảm trừ. Trường hợp trong các khoản trả thay có tiền thuê nhà thì tiền thuê nhà tính vào thu nhập làm căn cứ quy đổi bằng số thực trả nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế tại đơn vị (chưa bao gồm tiền thuê nhà).

Thu nhập làm căn cứ quy đổi = Thu nhập thực nhận + Các khoản trả thay - Các khoản giảm trừ.

Trong đó:

- Thu nhập thực nhận là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng.

- Các khoản trả thay là các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền do người sử dụng lao động trả cho người lao động theo hướng dẫn tại điểm đ, khoản 2, Điều 2 Thông tư này.

- Các khoản giảm trừ bao gồm: giảm trừ gia cảnh; giảm trừ đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện; giảm trừ đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này.

...”



MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

Căn cứ hướng dẫn nêu trên, trường hợp người lao động nước ngoài ký hợp đồng lao động với nhận hu nhập không bao gồm thuế TNCN và được Công ty trả thay tiền bảo hiểm y tế, tiền thuê nhà và tiền thuế TNCN, khi xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi thì:

- Đối với khoản tiền bảo hiểm y tế được Công ty trả thay là thu nhập được cộng vào đồng thời cũng được trừ ra trong công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi do khoản bảo hiểm y tế là khoản giảm trừ.

- Đối với khoản tiền thuê nhà được Công ty trả thay tính vào thu nhập làm căn cứ quy đổi theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị.

Việc xác định thuế thu nhập cá nhân trong trường hợp này thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

XUẤT NHẬP KHẨU

Công văn số 559/TXNK-CST về miễn thuế hàng TNTX ngày 22/2/2017

Căn cứ điểm a khoản 9 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định: “Hàng hóa tạm nhập, tái xuất, tái nhập để tổ chức hoặc tham dự hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, sự kiện thể thao, văn hóa, nghệ thuật hoặc các sự kiện khác...” được miễn thuế.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ tài chính quy định: “Hàng hóa nhập khẩu là hàng hóa đi thuê thì giá hải quan là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán để thuê hàng hóa, phù hợp với các chứng từ liên quan đến việc đi thuê hàng hóa:..

Căn cứ vào khoản 20 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 quy định hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Căn cứ vào các quy định nêu trên, rà soát việc thực hiện chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trên địa bàn để

đảm bảo đúng quy định. Trường hợp phát sinh vướng mắc thì báo nội dung vướng mắc thì báo cáo nội dung vướng mắc, gửi hồ sơ và đề xuất xử lý để Tổng cục Hải quan hướng dẫn (hồ sơ gửi kèm đề nghị nêu rõ hợp đồng trúng thầu có bao gồm thuế nhập khẩu hay không)

Công văn số 394/GSQL-GQ2 về thủ tục hải quan của doanh nghiệp FDI ngày 24/02/2017.

Căn cứ theo quy định tại Mục I phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng Thông tư số 04/2007/TT-BTM ngày 04/04/2007 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương) thì Thông tư này không điều chỉnh với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp FDI theo quy định của Luật Thương mại.

Do đó, đối với trường hợp Công ty nhập khẩu hàng hóa theo quyền nhập khẩu đã được cấp phép trên giấy chứng nhận đầu tư, sau đó Công ty bán trực tiếp cho khách hàng nước ngoài (thực hiện xuất khẩu hàng hóa theo quyền xuất khẩu đã được cấp phép) nhưng được chỉ định giao hàng tại Việt Nam thì phải căn cứ quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ; Thông tư số 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện, về thủ tục hải quan đề nghị Cục Hải quan căn cứ các quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ, Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính để giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp.

PHÍ, LỆ PHÍ

Công văn số 590/TCT-TNCN về lệ phí môn bài năm 2017 đối với hộ kinh doanh ngày 24/02/2017

Tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định: “Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều này có thay đổi doanh thu thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là doanh thu của năm trước liền kề với năm tính lệ phí môn bài.”

Tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính có hướng dẫn: “Doanh thu để làm căn cứ xác định mức thu lệ phí môn bài đối với cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình tại khoản này là tổng doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế TNCN”.

Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình quy định tại khoản này có thay đổi doanh thu thì căn cứ để xác định mức thu lệ phí môn bài là doanh thu của năm trước liền kề với năm tính lệ phí môn bài.

Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình mới ra kinh doanh trong năm thì mức doanh thu làm cơ sở xác định mức thu lệ phí môn bài là doanh thu của năm tính thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.



MỘT SỐ CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ

Công văn số 534/TCT-DNL về chính sách miễn, giảm tiền thuê đất ngày 20/02/2017

Theo điều 2, Điều 3 TT số 52/2015/TT-BTC ngày 03/05/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định:

Đối tượng áp dụng:

Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông lâm thủy sản do nhà nước làm chủ sở hữu;

Các đối tượng nêu trên sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông, lâm, thủy sản, có sử dụng lao động là người thiểu số cư

trú hợp pháp trên địa bàn khu vực miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Hỗ trợ về tiền thuê đất:

Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 30% đến dưới 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng lao động có mặt thường xuyên tại đơn vị được giảm 50% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đơn vị sử dụng lao động có sử dụng từ 50% lao động là người dân tộc thiểu số so với tổng lao động có mặt thường xuyên tại đơn vị được miễn 100% tiền thuê đất trong năm đối với diện tích đất của đơn vị thuộc diện phải thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 20/2017/NĐ-CP NGÀY 24/02/2017 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Ngày 24/02/2017, Chính phủ ban hành Nghị định 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định có một số nội dung:

1. Các bên có quan hệ liên kết

Theo Nghị định số 20/2017, các bên có mối quan hệ liên kết là:

- Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia; Hoặc
- Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.

2. Các phương pháp so sánh xác định giá của giao dịch liên kết

Nghị định 20/2017 quy định căn cứ vào đặc điểm của giao dịch liên kết, tính sẵn có của thông tin dữ liệu và bản chất của phương pháp xác định giá để lựa chọn phương pháp xác định giá giao dịch liên kết trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập;
- + Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận của người nộp thuế với tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập.
- + Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết.

3. Xác định chi phí để tính thuế trong một số trường hợp cụ thể đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết đặc thù

- Theo Nghị định số 20/CP, các giao dịch liên kết không phù hợp với giao dịch độc lập hoặc không tạo ra doanh thu cho người nộp thuế thì không được trừ vào chi phí tính thuế các chi phí thanh toán cho bên liên kết sau: Thanh toán cho bên liên kết mà không thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc có thực hiện nhưng không tương xứng với giá trị giao dịch; thanh toán cho bên liên kết không có quyền lợi, trách nhiệm liên quan;

thanh toán cho bên liên kết cư trú ở vùng không thu thuế thu nhập doanh nghiệp.



Cũng theo Nghị định 20, khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế chỉ được trừ không quá 20% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao của người nộp thuế.

4. Các trường hợp người nộp thuế được miễn kê khai, miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết

Nghị định 20 quy định người nộp thuế được miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết khi các bên liên kết nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam với cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế.

Ngoài ra, Nghị định số 20/2017 cũng quy định các trường hợp được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

Nghị định 20/2017/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết có hiệu lực ngày 01/5/2017.

QUY ĐỊNH MỚI VỀ VIỆC KHÔNG TÍNH TIỀN CHẬM NỘP THUẾ

Ngày 20/01/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 06/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC).

Theo quy định tại Thông tư này, trường hợp người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước nhưng chưa được thanh toán nên không nộp thuế đúng thời hạn, dẫn đến nợ thuế thì không bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thuế và không phải nộp tiền chậm nộp thuế tính trên số tiền thuế còn nợ, nhưng không vượt quá số tiền ngân sách Nhà nước chưa thanh toán.

Trình tự, thủ tục không tính tiền chậm nộp vẫn thực hiện theo quy định hiện hành. Cơ quan thuế có trách nhiệm giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế, nếu phát hiện

người nộp thuế được đơn vị sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thanh toán nhưng không nộp kịp thời tiền thuế nợ vào ngân sách Nhà nước thì ban hành thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp.



MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU, THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VỚI HÀNG TẠM NHẬP BÁN TẠI CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

Nghị định 167/2016/NĐ-CP ban hành ngày 27/12/2016, có hiệu lực từ ngày 15/02/2017 hướng dẫn kinh doanh hàng miễn thuế về thủ tục đưa hàng hóa vào bán tại cửa hàng miễn thuế, thủ tục bán hàng miễn thuế cho khách hàng, giám sát vận chuyển hàng hóa giữa các cửa hàng miễn thuế.

1. Quản lý hoạt động kinh doanh hàng miễn thuế

- Nghị định 167/2016 quy định người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh, người chờ xuất cảnh được kinh doanh hàng miễn thuế.

- Cũng theo Nghị định 167, Hàng hóa tạm nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế được miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT và thuế TTĐB.

Hàng hóa ở nội địa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được hưởng các chính sách thuế như hàng tạm xuất.

- Đồng tiền giao dịch tại cửa hàng miễn thuế Nghị định 167 năm 2016 quy định gồm Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, đồng tiền của nước có chung biên giới đặt cửa hàng miễn thuế.

- Hàng hóa được bán tại cửa hàng miễn thuế gồm hàng hóa tạm nhập khẩu, hàng hóa sản xuất ở nội địa và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu được phép lưu thông.

- Nghị định số 167/2016 quy định người xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế với số lượng, giá trị không hạn chế.

2. Thủ tục, công tác giám sát hải quan đối với hoạt động kinh

doanh hàng miễn thuế

- Về thủ tục hải quan đưa hàng hóa vào bán tại cửa hàng miễn thuế, Nghị định 167 quy định như sau:

Đối với hàng hóa nhập khẩu thì doanh nghiệp làm thủ tục tạm nhập hàng hóa. Còn đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa đã nhập khẩu, tạm nhập thì doanh nghiệp làm thủ tục tạm xuất, tái xuất vào cửa hàng miễn thuế.

- Nghị định 167 năm 2016 quy định khi bán hàng miễn thuế cho người xuất cảnh, quá cảnh tại khu cách ly, nhân viên bán hàng phải yêu cầu khách hàng xuất hộ chiếu hoặc giấy thông hành, nhập dữ liệu thông tin khách hàng và hàng hóa, xuất hóa đơn bán hàng và lưu hóa đơn bán hàng trong ngày.

- Trường hợp bán hàng miễn thuế cho người nhập cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế mà người mua hàng miễn thuế vượt định mức miễn thuế thì phải nộp thuế như hàng nhập khẩu đối với hàng hóa vượt định mức miễn thuế

- Cũng theo quy định tại Nghị định 167/CP, trường hợp bán hàng miễn thuế cho hành khách đang bay đến Việt Nam, trường hợp có khách mua vượt định mức miễn thuế thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế phát thông báo cho cơ quan hải quan cửa khẩu. Riêng thuốc lá thì không được bán vượt định mức miễn thuế.

Nghị định số 167/2016/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15/02/2017. Hàng hóa đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế đã khai tạm nhập, tạm xuất trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì doanh nghiệp kinh doanh hàng miễn thuế thanh khoản theo quy định hiện hành.

CHÍNH SÁCH THUẾ NHÀ THẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THUẾ TÀI CHÍNH

Trường hợp Công ty thực hiện ký kết hợp đồng thuê tài chính và theo hàng kỳ phải thực hiện thanh toán bao gồm lãi thuê và gốc thuê cho bên liên quan theo quy định của hợp đồng.

Bản chất của hợp đồng thuê tài chính là hoạt động cấp tín dụng, không phải hoạt động cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thông thường. Do đó:

+ Căn cứ vào khoản 8, Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế GTGT thì hoạt động cho thuê tài chính thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Căn cứ Tiết h, Khoản 3, Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó phần thu nợ gốc để cho thuê tài chính không phải là thu nhập của đơn vị cho thuê, thu nhập từ hoạt động cho thuê tài chính chịu thuế TNDN chỉ là phần lãi cho thuê tài chính.

Thuế nhà thầu:

Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì:

+ Thu nhập từ lãi tiền vay: là thu nhập của Bên cho vay từ từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng đảm bảo, thuế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay..

+ Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Khoản 2, Điều 13: Quy định về thuế suất thuế TNDN: lãi tiền vay: 5%

Do đó, đối với hoạt động cho thuê tài chính, Công ty chỉ cần kê khai nộp thuế nhà thầu tính trên số tiền thanh toán khoản lãi cho thuê tài chính với tỷ lệ 5%.



THÔNG TƯ SỐ 13/2017/TT-BTC NGÀY 15/02/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH QUY ĐỊNH RÚT TIỀN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VƯỢT MỨC PHẢI ĐĂNG KÍ TRƯỚC.

Theo Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước có nhu cầu rút tiền mặt trong 01 ngày (một hoặc nhiều lần thanh toán) vượt mức quy định phải đăng ký với Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản trước ít nhất 01 ngày làm việc về số lượng và thời điểm rút tiền để Kho bạc Nhà nước có kế hoạch chuẩn bị và cung ứng tiền mặt đầy đủ, kịp thời.

Trong đó, mức rút tiền mặt phải đăng ký đối với đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện giao dịch với Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh là từ 200 triệu đồng trở lên và 100 triệu đồng trở lên với các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện giao dịch với Kho bạc Nhà nước cấp huyện.

Cũng theo Thông tư này, các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước khi giao dịch với Kho bạc Nhà nước cấp huyện có nhu cầu thanh toán bằng tiền mặt có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên trong 01 lần thanh toán thì thực hiện rút tiền mặt tại ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước cấp huyện mở tài khoản. Đơn vị phải làm thủ tục rút tiền mặt tại ngân hàng thương mại ngay trong ngày được Kho bạc Nhà nước chuyển chứng từ rút tiền mặt sang ngân hàng thương mại; đồng thời, phải phối hợp hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của ngân hàng khi nhận tiền mặt



tại ngân hàng thương mại. Trường hợp chưa rút được tiền mặt ngay trong ngày Kho bạc Nhà nước chuyển chứng từ rút tiền sang ngân hàng thương mại, đơn vị phải thông báo cho Kho bạc Nhà nước biết để phối hợp xử lý các chứng từ rút tiền mặt đã chuyển theo quy trình thanh toán song phương điện tử giữa Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2017.

THÔNG TƯ 38/2016/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ HẠCH TOÁN THU, TRẢ LÃI TRONG HOẠT ĐỘNG NHẬN TIỀN GỬI VÀ CHO VAY GIỮA NHNN VỚI TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC.

Ngày 30/12/2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 38/2016/TT-NHNN quy định về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác.

Theo đó, số tiền lãi ngày của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức khác (không bao gồm tổ chức tín dụng) được tính bằng số dư tiền gửi của tổ chức đầu ngày nhân với lãi suất chia cho 365; trong đó, số tiền lãi trong kỳ tính lãi bằng tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi; mức lãi suất tiền gửi do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định trong từng thời kỳ, tính theo tỷ lệ %/năm. Số lãi tiền gửi của tổ chức tín dụng được tính bằng tổng của số dư tính lãi tiền gửi của tổ chức tín dụng nhân với số ngày duy trì dự trữ bắt buộc nhân với lãi suất chia cho 365.

Cũng theo Thông tư này, đến cuối ngày đến hạn phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận trên hợp đồng mà tổ chức tín dụng chưa trả hết nợ gốc và/hoặc lãi cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước sẽ thực hiện chuyển sang theo dõi quá hạn số tiền gốc và/hoặc lãi đến hạn chưa trả của tổ chức tín dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2017.

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KINH DOANH DỊCH VỤ KẾ TOÁN TẠI CÔNG VĂN 1594/BTC-CĐKT NGÀY 08/02/2017

Ngày 08/02/2017, Bộ tài chính ban hành công văn 1594/BTC-CĐKT về việc kinh doanh dịch vụ kế toán năm 2017.

Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua Luật kế toán số 88/2015/QH13 (Luật kế toán 2015) thay thế Luật kế toán 2003, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Theo quy định tại Khoản 13 Điều 3 của Luật, kinh doanh dịch vụ kế toán được xác định là việc cung cấp dịch vụ lập kế toán, làm kế toán trưởng, lập báo cáo tài chính, tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán theo quy định của Luật này cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Do hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán là ngành nghề kinh doanh có điều kiện do đó chỉ có những doanh nghiệp được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán mới đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán và chỉ có những kế toán viên hành nghề (là những người được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán) mới được hành nghề dịch vụ làm kế toán, dịch vụ làm kế toán trưởng, dịch vụ lập báo cáo tài chính, dịch vụ tư vấn kế toán và các công việc khác thuộc nội dung công tác kế toán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của Luật.

Do điều khoản chuyển tiếp của Luật (tại Khoản 2 Điều 73) cho phép các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán thành lập trước ngày 01/01/2017 có 24 tháng để đảm bảo các điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán nên từ 01/01/2017 đến 31/12/2018, các đối tượng đủ điều kiện được kinh

doanh dịch vụ kế toán không chỉ bao gồm các doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán mà còn cả các doanh nghiệp dịch vụ kế toán thành lập trước ngày 01/01/2017 vẫn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Luật kế toán 2003.

Để có thông tin cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu lựa chọn đúng các đơn vị đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của pháp luật, hiện nay Bộ Tài chính đã công khai và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của Bộ (tại địa chỉ [www.mof.gov.vn/Kế toán kiểm toán/Công khai danh sách kế toán viên hành nghề và doanh nghiệp kế toán](http://www.mof.gov.vn/Kế_toán_kiểm_toán/Công_khai_danh_sách_kế_toán_viên_hành_nghề_và_doanh_nghiệp_kế_toán)) danh sách các doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh dịch vụ kế toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán năm 2017 trong đó bao gồm tên của từng kế toán viên hành nghề tại từng doanh nghiệp/hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.



Như vậy, các tổ chức, cá nhân nào không có tên trong danh sách Bộ Tài chính công khai thì không được phép kinh doanh dịch vụ kế toán và sẽ bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm quy định của Luật kế toán.

- Bộ đã công khai và cập nhật thường xuyên trên trang thông tin điện tử của Bộ về Danh sách các doanh nghiệp hoặc hộ kinh doanh DVKT có đủ điều kiện kinh doanh năm 2017.

- Do đó, các tổ chức, cá nhân nào không có tên trong danh sách công khai của Bộ Tài chính thì không được phép kinh doanh dịch vụ và sẽ bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm quy định của Luật Kế toán.

Ngoài ra, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán cần lưu ý:

Chỉ có những doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (GCN) dịch vụ kế toán và những kế toán viên được cấp chứng chỉ hành nghề do Bộ Tài chính cấp mới được hành nghề.

- Doanh nghiệp được kinh doanh DVKT gồm các doanh nghiệp được cấp GCN DVKT và các doanh nghiệp kinh doanh DVKT thành lập trước ngày 01/01/2017 (có 24 tháng để đảm bảo đủ điều kiện được cấp GCN).



Bản thông tin cập nhật văn bản hàng tháng này được cung cấp cho khách hàng và toàn bộ nhân viên của ASA. Nội dung của bản cập nhật chỉ có tính chất tham khảo. Người đọc cần liên hệ với chuyên viên tư vấn trước khi sử dụng bất cứ thông tin nào trong bản tin.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

BAN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KH:

Ông: Đỗ Quốc Việt

Phó Tổng Giám đốc

Tel: 0919 858 626

Email: vietdq.audit@gmail.com

Ông: Nguyễn Duy Trung

Phó Tổng Giám Đốc

Tel: 0982 565 703

Email: duytrung103@gmail.com

Ông: Phạm Văn Biện

Phó Tổng Giám Đốc

Tel: 0943 388 828

Email: phamvanbien2807@gmail.com

Bà: Trương Thị Hải Vân

Phó Giám đốc

Tel: 0904 787 763

Email: vantth@asa-audit.com

VĂN PHÒNG:

P1107, tòa 262 Nguyễn Huy Tưởng,

Thanh Xuân, Hà Nội

Phone: 04 3858 1122

Fax: 04 3858 5533

Email: kiemtoanasa@gmail.com

Website: www.asa-audit.com

Công ty TNHH Kiểm toán Châu Á (ASA) là một tổ chức tư vấn hợp pháp chuyên ngành Kiểm toán - Kế toán - Thuế - Tài chính, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Giấy phép số 0102000577, cấp ngày 24 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

Nguyên tắc hoạt động

"Độc lập, khách quan và bí mật nghề nghiệp"

Phương châm hoạt động

"Uy tín và chất lượng là tiêu chí khẳng định thương hiệu ASA"

Slogan

"Hướng tới sự phát triển bền vững"

Cam kết dịch vụ

ASA đã và đang thực hiện cung cấp các dịch vụ kiểm toán và tư vấn cho hàng trăm khách hàng hoạt động trên phạm vi toàn lãnh thổ Việt Nam thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động. Với sự am hiểu về hệ thống luật pháp của Việt Nam cùng với thái độ làm việc nghiêm túc và sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm hoạt động kinh doanh của mỗi khách hàng, ASA cam kết sẽ mang đến những dịch vụ tốt nhất.

Nhân sự ASA

Đội ngũ nhận sự với phong cách chuyên nghiệp, có chiều sâu về kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp, được đào tạo bài bản trong và ngoài nước, tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh tế xây dựng và luật học.